TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V1 NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-PT
Ngày: 13/01/2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, tuyên bố hợp đồng vô hiệu, kiện đòi tài sản, đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V1 NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Xuân Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án dân sự thụ lý số 172/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020, về: "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tuyên bố hợp đồng vô hiệu, kiện đòi tài sản, đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng". Do có kháng cáo và kháng nghị, đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9576/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Vũ N, sinh năm 1934; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1940. Đều cùng địa chỉ: Xóm 3, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Bà L ủy quyền toàn bộ cho ông N. Ông N có mặt, bà L vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Đậu Thị Q, sinh năm 1962. Địa chỉ: Xóm 13B, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Mạnh H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Hy 1 LGH 1005 45172 Uddevalla - Sweden (Thụy Điển). Số cá nhân: 720405-5490. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông Hoàng Vũ N, bà Nguyễn Thị L.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Ông Hoàng Vũ N, bà Nguyễn Thị L khởi kiện và yêu cầu: Năm 1996, ông N và bà L có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn S thửa đất số 1333, tờ bản đồ số 10 tại xóm 12, xã N, có diện tích 100m^2, thửa đất này đã được UBND huyện NL giao đất xây dựng nhà ở theo Quyết định số 2771 ngày 10/10/1994 cho ông Nguyễn Văn S. Hai bên đã làm giấy có xác nhận của ông V1, xóm trưởng xóm 3 thời kỳ đó, ông S đã giao Quyết định 2771 (Bìa xanh) cho ông N. Một thời gian sau, ông N phát hiện "Bìa xanh" đứng tên ông S bị mất, kiểm tra thì anh Hoàng Mạnh H (con trai ông N) do ly hôn, nghiện ngập, nên đã lấy trộm "Bìa xanh" đứng tên ông S, đem cắm cho bà Đậu Thị Q ở xóm 13B, xã N. Ông N đã đến xin chuộc lại nhưng bà Q không cho. Nay ông N, bà L khởi kiện: Buộc bà Q phải trả lại Quyết định số 2771 ngày 10/10/1994 của UBND huyện NL *(Bìa xanh của ông S)* cho ông N; Tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Q với anh Hoàng Mạnh H là vô hiệu. Buộc bà Q phải trả lại cho ông N tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (viết tắt: GPMB) đã nhận là 4.375.000đồng.

2. Bà Đậu Thị Q trình bày và có quan điểm: Năm 1995, anh Hoàng Mạnh H có nhu cầu chuyển nhượng đất, cho bà Q xem "Bìa xanh" đứng tên ông S, hai bên có đến hỏi ông V1 là Xóm trưởng thì ông V1 nói mua được, nên thống nhất chuyển nhượng với giá 21.000.000đồng, hai bên có viết giấy tay và anh H đã chuyển "Bìa xanh" là Quyết định 2771 của UBND huyện NL cho bà Q. Tháng 10/1995, anh H có vay tiếp 10.000.000đồng, lãi suất 3%. Từ đó đến nay do chưa có điều kiện, nên hai bên chưa làm tiếp các thủ tục chuyển nhượng. Việc mua bán chuyển nhượng đã hoàn thành, nên bà Q không chấp nhận việc trả lại "Bìa xanh", cũng như tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Về tiền đền bù đất mang tên ông S, bà Q có nhận nhưng sau đó UBND xã N đã thu lại, nên bà Q không chấp nhận trả cho ông N.

3. Anh Hoàng Mạnh H trình bày và có quan điểm: Tại Đơn trình bày gửi Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, thể hiện khoảng năm 1995, 1996 do vợ chồng anh ly hôn, anh H sa vào nghiện ngập, buồn chán, nên đã lấy "Bìa xanh" mang tên ông S, của bố anh H là ông N lên cắm cho bà Đậu Thị Q lấy 10.000.000đồng, lãi 6%. Khoảng vài năm sau, do không có tiền trả, nên bà Q gọi đến bắt viết giấy bán đất và đưa thêm 5.000.000đồng. Do cần tiền để hút thuốc, nên anh H có viết giấy bán 21.000.000đồng, nhưng thực tế chỉ lấy tiền là 15.000.000đồng. Năm 2001, anh H có đến xin trả tiền 15.000.000đồng và lãi để lấy lại "Bìa xanh", nhưng bà Q không cho. Nay anh H đề nghị để ông N trả 15.000.000đồng và lãi suất theo lãi suất Ngân hàng cho bà Q, bà Q trả lại bìa đất cho ông N.

4. Kết quả thu thập chứng cứ: Kết quả điều tra xác minh tại anh Nguyễn Văn V1 (*xóm trưởng là con ông Nguyễn Văn S nay đã mất)* thì: Bố anh V1 có thửa đất đã được cấp "Bìa xanh", có chuyển nhượng cho vợ chồng anh H và chị C, thấy chị C là người trả tiền nhưng thủ tục thì do ông N làm và giữ Bìa xanh. Sau này anh H nghiện ngập đã cắm nợ cho chị Q lấy tiền hình như 2 lần là 20.000.000đồng. Theo anh V1 thì việc chuyển nhượng đất ông S với vợ chồng H và chị C, nhưng các thủ tục lại do ông N làm và giữ; Kết quả thẩm định, định giá như sau: Thửa đất số 1333, tờ bản đồ số 10 tại xóm 12, xã N có diện tích thực tế đo được: 85m^2 có giá 850.000.000đồng. Trên đất có nhà cấp 4 lợp tôn xốp và tường bao giá 135.276.000đồng; Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Hoàng Mạnh H, TAND thành phố Vinh xét xử năm 1998, thể hiện: Thửa đất trên do anh H, chị C mua của ông S giá 32.000.000đồng, chưa làm thủ tục sang tên, anh H đã cắm bìa đất cho người khác, nên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 12 ngày 24/8/1998, giao cho anh H quyền sở hữu số tiền 32.000.000đồng tiền mua đất của ông Nguyễn Văn S.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, đã quyết định: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 2, Điều 37 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 119, 129, 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Vũ N và bà Nguyễn Thị L, về việc buộc bà Đậu Thị Q phải lại tài sản và tuyên bố giao dịch dân sự giữa anh Hoàng Mạnh H và bà Đậu Thị Q là vô hiệu; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Vũ N và bà Nguyễn Thị L, về việc buộc bà Đậu Thị Q phải trả lại số tiền 4.375.000đ (đền bù đường vào khu CN Bắc V) và số tiền 1.688.000.000đồng yêu cầu bồi thường thiệt hại do 20 năm không được sử dụng đất; Buộc bà Đậu Thị Q phải trả lại Bản gốc Quyết định số 2771 - QĐ/UB ngày 10/10/1994 của UBND huyện NL, tỉnh Nghệ An về việc giao cho ông Nguyễn Văn S được sử dụng 100m^2 đất tại xã N để sử dụng xây nhà ở. (*Bìa xanh của ông Nguyễn Văn S*) cho ông Hoàng Vũ N và bà Nguyễn Thị L; Tuyên bố giao dịch dân sự về việc chuyển nhượng thửa đất số 1333, tờ bản đồ số 10 tại xóm 12, xã N, có diện tích 100m^2 (thửa đất này đã được UBND huyện NL giao đất xây dựng nhà ở theo QĐ số 2771 ngày 10/10/1994 cho ông Nguyễn Văn S) giữa anh Hoàng Mạnh H và bà Đậu Thị Q vô hiệu; Buộc anh Hoàng Mạnh H phải trả lại cho bà Đậu Thị Q số tiền 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng) đã nhận. Buộc ông Hoàng Vũ N và anh Hoàng Mạnh H phải bồi thường thiệt hại cho bà Đậu Thị Q số tiền 425.000.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng). Tổng 2 khoản ông N, anh H phải thanh toán cho bà Q là 446.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất, quyền kháng cáo.

Ngày 18/10/2019, ông N và bà L kháng cáo với những nội dung: Không đồng ý việc không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Đậu Thị Q

phải trả lại số tiền 4.375.000đồng (đền bù đường vào khu CN Bắc V) và số tiền 1.688.000.000đồng yêu cầu bồi thường thiệt hại do 20 năm không được sử dụng đất; không đồng ý việc buộc ông Hoàng Vũ N và anh Hoàng Mạnh H phải bồi thường thiệt hại cho bà Đậu Thị Q số tiền 425.000.000đồng; không đồng ý việc anh Hoàng Mạnh H phải chịu 20.184.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại Quyết định số 34/QĐKNPT-VC1-DS ngày 01/11/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm. Do vi phạm về tố tụng và nội dung, đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Hoàng Vũ N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn bà Đậu Thị Q đề nghị giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định pháp luật. Về nội dung, giữ nguyên quyết định kháng nghị và đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Ông Hoàng Vũ N và bà Nguyễn Thị L khởi kiện bà Đậu Thị Q các yêu cầu: Tuyên bố giao dịch dân sự về việc chuyển nhượng đất giữa anh Hoàng Mạnh H và bà Đậu Thị Q vô hiệu; xác định diện tích đất tại thửa 1333, tờ bản đồ số 10, diện tích 100m^2 (thực tế 85m^2), mang tên ông Nguyễn Văn S tại tại xóm 12, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An do ông N mua năm 1996 thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Vũ N và bà Nguyễn Thị L; buộc bà Đậu Thị Q phải trả lại số tiền 4.375.000đồng (đền bù đường vào khu Công nghiệp Bắc V) và số tiền 1.688.000.000đồng yêu cầu bồi thường thiệt hại do 20 năm không được sử dụng đất. Căn cứ yêu cầu khởi kiện và quan điểm của bị đơn, quan hệ pháp luật cần xem xét giải quyết trong vụ án: Tranh chấp quyền sử dụng đất, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, đòi tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

[2]. Căn cứ lời khai của ông N xác định, năm 1994 ông N và gia đình ông S thỏa thuận bằng miệng, về việc ông S chuyển nhượng cho ông N diện tích đất 100m^2, thửa số 1333 của ông Nguyễn Văn S, với giá là 28.000.000đồng, nhưng đến ngày 20/9/1996, ông S mới lập Giấy bán đất ở có xác nhận của anh Nguyễn Văn V1, là con trai đồng thời là Xóm trưởng thời điểm đó, gia đình ông N đã thanh toán xong tiền được ông S giao đất và bàn giao Quyết định số 2771-QĐ/UB ngày

10/10/1994, nhưng do thiếu hiểu biết nên không đi xác nhận tại UBND xã, vì chưa có điều kiện để làm thủ tục, nên trên giấy tờ giao đất thì thửa đất vẫn mang tên ông Nguyễn Văn S, ông N là người quản lý sử dụng thửa đất từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay. Theo lời khai của bà Q xác định, bà Q và anh Hoàng Mạnh H (con ông N) thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất 100m^2, thửa số 1333, với giá 21.000.000đồng, anh H đã viết Giấy chuyển nhượng đất ở và giao Quyết định số 2771-QĐ/UB ngày 10/10/1994, mang tên ông Nguyễn Văn S cho bà Q, đến năm 1998, anh H và chị Nguyễn Thị C ly hôn, Bản án số 12 ngày 24/8/1998 của TAND thành phố V giải quyết xử lý khoản tiền mua thửa đất của ông S cho anh H sở hữu, việc mua bán đất là có thực, bà Q đã giao tiền, anh H đã viết giấy chuyển nhượng và giao Quyết định số 2771-QĐ/UB, đối với số tiền 4.375.000đồng thì bà Q chưa nhận, hiện do UBND xã K giữ, không chấp nhận yêu cầu của ông N và bà L. Tại Đơn trình bày của anh Hoàng Mạnh H gửi từ Thụy Điển về cho Tòa án, tuy nhiên đơn này không có xác nhận chữ ký của cơ quan có thẩm quyền, nội dung thể hiện khoảng năm 1995 - 1996 do vợ chồng anh ly hôn, anh H sa vào nghiện ngập, buồn chán, nên đã lấy "Bìa xanh" mang tên ông S, của bố anh H là ông N lên cắm cho bà Đậu Thị Q lấy 10.000.000đồng, lãi 6%. Khoảng vài năm sau, do không có tiền trả, nên bà Q gọi đến bắt viết giấy bán đất và đưa thêm 5.000.000đồng. Do cần tiền để hút thuốc, nên anh H có viết giấy bán 21.000.000đồng, nhưng thực tế chỉ lấy tiền là 15.000.000đồng. Năm 2001, anh H có đến xin trả tiền 15.000.000đồng và lãi để lấy lại "Bìa xanh", nhưng bà Q không cho. Nay anh H đề nghị để ông N trả 15.000.000đồng và lãi suất theo lãi suất Ngân hàng cho bà Q, bà Q trả lại "Bìa xanh" đất cho ông N. Như vậy, căn cứ lời khai của các đương sự thì diện tích đất 100m^2(thực tế 85m^2), thửa số 1333, tờ bản đồ số 10, tại xóm 12, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An hồ sơ địa chính vẫn mang tên ông Nguyễn Văn S, nhưng thực tế người quản lý và sử dụng là ông Hoàng Vũ N. Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, diện tích đất tranh chấp thể hiện tại Quyết định số 2771-QĐ/UB ngày 10/10/1994 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện NL, giao cho ông Nguyễn Văn S được quyền sử dụng diện tích 100m^2, thời gian sử dụng ổn định lâu dài và phân định giới hạn giáp ranh cụ thể. Năm 2001, UBND huyện NL thu hồi một phần diện tích đất để mở rộng đường Đặng Thai Mai và đền bù số tiền 4.375.000đồng. Hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2004 thể hiện tại thửa số 1333, tờ bản đồ số 10, diện tích 85m^2, địa chỉ tại xóm 12 - xã N - huyện NL - tỉnh Nghệ An, mang tên chủ sử dụng Hoàng Vũ N. Ông N và bà L xây dựng căn nhà cấp 4 trên đất và quản lý sử dụng đến nay.

[3]. Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của ông N và bà L, quan điểm bà Q, quan điểm anh H và các tài liệu có trong hồ sơ, xét thấy, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng, cụ thể:

[3.1]. Trong vụ án này, anh Hoàng Mạnh H được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hồ sơ vụ án thể hiện anh H hiện đang sống và làm việc tại

Thụy Điển. Tại Công văn số 2461/A72-P4 ngày 27/02/2017, Cục quản lý xuất nhập cảnh xác nhận anh H đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 21/8/2016 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh, nên có cơ sở xác định anh H hiện đang sống và làm việc tại nước ngoài. Mặc dù cấp sơ thẩm đã lập hồ sơ ủy thác tư pháp để tống đạt văn bản tố tụng cho anh H, nhưng không có kết quả. Theo quy định tại khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự thì: "trường hợp các phương thức tống đạt quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện không có kết quả thì Tòa án tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, Tòa án đang giải quyết vụ việc hoặc tại nơi cư trú cuối cùng của đương sự tại Việt Nam trong thời hạn 01 tháng và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có), Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài; trường hợp cần thiết, Tòa án có thể thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp". Theo quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án xét xử vắng mặt đương sự ở nước ngoài trong các trường hợp sau đây: "a) Tòa án đã nhận được kết quả tống đạt theo một trong các phương thức tống đạt quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật này, đương sự đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ và đương sự đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ; b) Tòa án đã thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 3 Điều 474 của Bộ luật này; c) Tòa án không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều này về kết quả thực hiện việc tống đạt cho đương sự ở nước ngoài". Đối chiếu với các quy định đã viện dẫn trên với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xét thấy sau khi tiến hành ủy thác tư pháp không có kết quả, cấp sơ thẩm chưa tiến hành: "niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, Tòa án đang giải quyết vụ việc hoặc tại nơi cư trú cuối cùng của đương sự tại Việt Nam trong thời hạn 01 tháng và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có), Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài", quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng không có giấy ủy quyền hợp lệ cho người khác tham gia tố tụng, nhưng đã tiến hành xét xử vắng mặt là không phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự như đã viện dẫn trên.

[3.2]. Theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân năm 2015 thì Tòa án Việt Nam công nhận giấy tờ, tài liệu do cá nhân cư trú ở nước ngoài lập trong trường hợp: "Giấy tờ, tài liệu do công dân Việt Nam ở nước ngoài lập bằng tiếng Việt có chữ ký của người lập giấy tờ, tài liệu đó và đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam". Hồ sơ vụ án có các Đơn trình bày đề tên Hoàng Mạnh H nhưng không có công chứng, chứng thực theo quy định đã viện dẫn trên. Đơn trình bày ngày 16/10/2008 có 04 dấu vân tay,

nhưng Tòa án chưa tiến hành giám định để xác định dấu vân tay nêu trên có phải do anh H in ra hay không. Như vậy, căn cứ vào quy định đã viện dẫn trên, chưa có cơ sở kết luận các văn bản nêu trên do anh H viết ra. Bản án sơ thẩm nhận định: "các ý kiến của anh H Tòa án đã thu thập đầy đủ, đúng quy định" là thiếu căn cứ.

[3.3]. Đơn xin chuyển nhượng đất ở thể hiện anh Hoàng Mạnh H chuyển nhượng thửa đất tranh chấp cho bà Đậu Thị Q. Trong Biên bản hòa giải tại UBND xã N, ông Nguyễn Văn L1 – chồng bà Đậu Thị Q trình bày anh H có nợ vợ chồng ông một số tiền, không có điều kiện trả nợ nên đã bán miếng đất đứng tên Nguyễn Văn S lại cho vợ chồng ông. Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ số tiền anh H vay là tài sản riêng của bà Q hay tài sản chung của bà Q và ông L1, anh H chuyển nhượng thửa đất tranh chấp cho bà Q hay cho vợ chồng bà Q. Do vậy, cần triệu tập ông Nguyễn Văn L1 hoặc các đồng thừa kế của ông L1 (trong trường hợp ông L1 đã chết), để tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[3.4]. Ông Hoàng Vũ N xác định ông Nguyễn Văn S là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông N, nhưng hiện nay ông S đã mất. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa thu thập làm rõ thửa đất số 1333, tờ bản đồ số 10 tại xóm 12, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An là tài sản riêng của ông S hay là tài sản chung của vợ chồng ông S hay hộ gia đình ông S. Nếu là di sản thừa kế hoặc tài sản chung thì các đồng sử dụng gồm những ai, còn sống không, họ có ý kiến gì về việc ông S chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác, để triệu tập họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3.5]. Bản chất yêu cầu của các đương sự trong vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng, xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ai phải dựa trên các căn cứ hợp pháp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc thu thập tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cấp sơ thẩm thực hiện chưa đầy đủ, không phù hợp quy định của pháp luật, chỉ là các bản phôtô không phải là bản gốc hoặc bản sao có công chứng, chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do vậy, cần yêu cầu các đương sự giao nộp bản gốc hoặc bản sao có công chứng, chứng thực các tài liệu gồm: Giấy chuyển nhượng đất ở ngày 20/9/1996 giữa ông Hoàng Vũ N và ông Nguyễn Văn S; Giấy chuyển nhượng đất ở giữa anh Hoàng Mạnh H và bà Đậu Thị Q; Quyết định giao đất số 2771 ngày 10/10/1994 của UBND huyện NL cấp cho ông Nguyễn Văn S; trích sao hồ sơ giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Hoàng Mạnh H và chị Nguyễn Thị C; xác minh và thu thập hồ sơ địa chính thửa đất số 1333, tờ bản đồ số 10 tại xóm 12, xã N, thành phố V để làm rõ thửa đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ai, những thay đổi và biến động trong quá trình quản lý đối với diện tích đất, lý do đất được cấp cho ông Nguyễn Văn S nhưng hồ sơ kỹ thuật đứng tên ông Hoàng Vũ N, để làm căn cứ giải quyết vụ án; Lời khai của anh Nguyễn Văn V1 xác định ông S bán đất cho vợ

chồng anh H và chị C, chị C là người trả tiền, vì vậy, cần thu thập lời khai của chị Nguyễn Thị C, để làm rõ ông Nguyễn Văn S chuyển nhượng thửa đất số 1333, tờ bản đồ số 10 tại xóm 12, xã N, thành phố V cho vợ chồng anh Hoàng Mạnh H, chị Nguyễn Thị C hay chuyển nhượng cho ông Hoàng Vũ N; Làm rõ thửa đất được giải quyết tại vụ án ly hôn giữa anh Hoàng Mạnh H, chị Nguyễn Thị C tại Bản án số 12 ngày 24/8/1998 của TAND thành phố Vinh và thửa đất đang tranh chấp có phải là một thửa hay không? Ông N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ly hôn giữa anh H và chị C, cần làm rõ ý chí của ông N về thửa đất nêu trong bản án này? Tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hoàng Mạnh H theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;...

[3.6]. Ông Hoàng Vũ N khởi kiện buộc bà Đậu Thị Q phải trả lại số tiền 4.375.000đồng (đền bù đường vào khu Công nghiệp Bắc V), tuy nhiên, bà Q xác định số tiền này hiện UBND xã N đang quản lý, do vậy, cần xác minh và xem xét số tiền 4.375.000đồng hiện UBND xã N có quản lý không? xem xét đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3.7]. Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự: "Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải". Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu". Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hoàng Vũ N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Hoàng Mạnh H và bà Đậu Thị Q vô hiệu. Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Bị đơn cũng không có đơn phản tố yêu cầu giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu. Hồ sơ vụ án không có biên bản thể hiện Tòa án đã giải thích cho các đương sự về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu buộc bà Đậu Thị Q phải bồi thường thiệt hại do 20 năm không được sử dụng đất số tiền 1.688.000.000đồng; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu theo hướng buộc ông N, anh H trả lại số tiền đã nhận và bồi thường thiệt hại, nhưng vẫn xem xét giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu bổ sung của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là chưa phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3.8]. Theo quy định tại điểm c, tiểu mục 2.3, mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm c mục 2.4 mục 2 Phần I của Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình

thì thiệt hại còn bao gồm khoản tiền chênh lệch giữa giá trị quyền sử dụng đất do các bên thoả thuận với giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm xét xử sơ thẩm và các thiệt hại khác (nếu có). Theo quy định nêu trên thì trong vụ án hai bên chuyển nhượng 85m^2 nên thiệt hại là (85m^2 x 10.000.000 đồng/1m^2) – 21.000.000 đồng = 829.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm nhận định anh H và bà Q có lỗi ngang nhau, mỗi bên phải chịu ½ nên anh H phải bồi thường thiệt hại cho bà Q số tiền 829.000.000đồng : 2 = 414.000.000đồng, nhưng bản án sơ thẩm buộc ông Hoàng Vũ N và anh Hoàng Mạnh H phải bồi thường thiệt hại cho bà Đậu Thị Q số tiền 425.000.000đồng là chưa phù hợp với quy định. Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Hoàng Vũ N đồng ý chịu trách nhiệm với các nghĩa vụ của anh H liên quan đến vụ án. Bản án sơ thẩm không ghi nhận sự tự nguyện của ông N về việc chịu trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ của anh H liên quan đến vụ án mà quyết định buộc ông N, anh H phải bồi thường thiệt hại cho bà Q là không chính xác. Mặt khác, bản án quyết định buộc ông N và anh H bồi thường thiệt hại cho bà Q số tiền 446.000.000đồng nhưng không chia kỷ phần từng người là gây khó khăn cho công tác thi hành án.

[4]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung như nhận định trên, xét thấy, các căn cứ kháng nghị và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quyết định kháng nghị và hủy bản án sơ thẩm, giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét kháng cáo của nguyên đơn: Cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị, hủy bản án sơ thẩm và giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của ông N, bà L cấp phúc thẩm không xét.

[6]. Về án phí: Ông Hoàng Vũ N, bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 34/QĐKNPT-VC1-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí: Ông Hoàng Vũ N, bà Nguyễn Thị L không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo đ/c);
- L1 HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Đặng Đình Lực